

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2022

V/v *không công nhận*

*quan hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Hồng Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông K'Bar và ông Phạm Xuân Đức

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:**  
ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “*không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987; địa chỉ: bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt

**2. Bị đơn:** ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Bà và ông Bùi Văn T chung sống với nhau từ năm 2004, tại xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; khi sống chung có làm lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2007 chuyển vào xã Đ, huyện Đ sinh sống.

Quá trình sống chung vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ngoại tình, không chăm lo cho vợ con. Hiện nay, bà và ông T đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 27/3/2005; Bùi Duy L, sinh ngày 02/10/2008 và Bùi Trung K, sinh ngày 11/5/2013. các con đang sống cùng với bà nên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con; yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Th cam đoan không có nợ chung, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Bùi Văn T trình bày:** ông T cơ bản thống nhất với trình bày của bà Th về quá trình chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng; giữa ông và bà Th không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và bà Th là vợ chồng.

Về con chung: ông đồng ý giao 03 con chung là cháu Bùi Trung K, sinh năm 2013, cháu Bùi Duy L, sinh năm 2008, cháu Bùi Thị Th1, sinh năm 2005 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của bà Th. Tuy nhiên, do tài sản vợ chồng đã thỏa thuận để lại cho các con nên ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà Th không nuôi con được thì giao con cho ông nuôi, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc ông có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th: không công nhận bà Th và ông T là vợ chồng; giao 03 con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng phù hợp với thu nhập của bị đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Th và ông T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, bà Th yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông T không phải là vợ chồng nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*"; bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* bà Th và ông Bùi Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, tại xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Khi chung sống có làm lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2007 chuyển vào xã Đ, huyện Đ sinh sống. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã không ở chung nhà, không còn tình cảm. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Th, tuyên bố quan hệ giữa bà Th và ông T không phải là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:* Xét trình bày của các đương sự và theo nguyện vọng của con chung cần giao các con chung Bùi Thị Th1, sinh ngày 27/3/2005; Bùi Duy L, sinh ngày 02/10/2008 và Bùi Trung K, sinh ngày 11/5/2013 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đồng thời, để đảm bảo cuộc sống cho các con và với mức bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (03 con là 3.000.000đ/tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 107, 108, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.**

*1.1. Về quan hệ hôn nhân:* không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Văn T là vợ chồng.

*1.2. Về con chung:* giao 03 con chung là cháu Bùi Thị Th1, sinh ngày 27/3/2005; Bùi Duy L, sinh ngày 02/10/2008 và Bùi Trung K, sinh ngày 11/5/2013 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (03 con 3.000.000đ/tháng), thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**2. Về án phí:** bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0004064, ngày 22/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông. Ông Bùi Văn T phải nộp **300.000đ** án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông

***Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
  - VKSND huyện Đắk Glong;
  - Chi cục THADS huyện Đ;
  - UBND xã Đ huyện Đ,
- tỉnh Đắk Nông.
- Các đương sự;
  - Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Lê Thị Hồng Nhung**